ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Quyết định số 17 /2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết thi hành khoản 4, khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 31; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022 và công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam tham gia phong trào thi đua của tỉnh đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Nguyên tắc thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 4 Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và theo các nguyên tắc sau:

1. Khi tiến hành sơ kết, tổng kết các phong trào theo chuyên đề, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp đặc biệt, tiêu biểu xuất sắc mới đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tặng Bằng khen, trong đó ưu tiên khen thưởng cho tập thể nhỏ, cá nhân trực tiếp thực hiện phong trào thi đua.

2. Khi xét khen thưởng, ngoài các tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp lựa chọn các tập thể, cá nhân thực sự tiêu biểu, xuất sắc, có mô hình mới, cách làm hay, có nhiều sáng kiến phạm vi ảnh hưởng được nhân rộng để khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

3. Đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc bộ, ngành trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, các đơn vị thuộc Khối các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp (trừ các đơn vị cấp tỉnh được giao biên chế): chỉ thực hiện khen thưởng theo phong trào thi đua chuyên đề, khen thưởng đột xuất hoặc khen thưởng cho tập thể được khối thi đua suy tôn khi tổng kết thi đua hằng năm.

Chương II
ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét hàng năm cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này, đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt tiêu chuẩn sau:

a) Công nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên trong năm, chấp hành tốt các nội quy, quy trình sản xuất, bảo đảm vệ sinh, an toàn lao động;

b) Nông dân, người lao động chấp hành tốt quy định của địa phương nơi cư trú; ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đạt hiệu quả cao về kinh tế.

Điều 5. Cờ thi đua của UBND tỉnh

1. Danh hiệu "Cờ thi đua của UBND tỉnh" được xét tặng hàng năm cho các đối tượng sau:

a) Các ban đảng; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh; các đơn vị, doanh nghiệp trong Khối thi đua được suy tôn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của các Khối thi đua trong tỉnh;

b) Các ban, chi cục, trung tâm trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

c) Hợp tác xã, trường học, bệnh viện thuộc Khối thi đua của tỉnh có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua mỗi ngành, lĩnh vực;

d) Các xã, phường, thị trấn thuộc Khối thi đua của huyện, thành phố, thị xã.

2. Danh hiệu "Cờ thi đua của UBND tỉnh" để tặng hàng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức, đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc được cơ quan có thẩm quyền đánh giá hoàn thành vượt các chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể có nhiều thành tích nổi bật; đơn vị dẫn đầu được cụm thi đua, khối thi đua suy tôn, đạt tỷ lệ phiếu đồng ý từ 80% trở lên trên tổng số thành viên của cụm, khối thi đua;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể, đơn vị khác trong tỉnh học tập;

c) Tổ chức đảng, đoàn thể xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Danh hiệu "Cờ thi đua của UBND tỉnh" để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

4. Danh hiệu "Cờ thi đua của UBND tỉnh" tặng cho tập thể đã được đề nghị tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" thì được xem xét "Cờ thi đua của UBND tỉnh" theo quy định chung.

Không xem xét, tặng "Cờ thi đua của UBND tỉnh" đối với tập thể không được tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" do có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về hành vi vi phạm của tập thể dẫn tới không đảm bảo tiêu chuẩn khen thưởng.

Điều 6. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"

1. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" để tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" để tặng hàng năm cho các đối tượng sau:

a) Đối với cấp tỉnh: Xét tặng đối với sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; phòng, ban, trung tâm trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

b) Đối với cấp huyện: Xét tặng đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố; phòng, ban và tương đương cấp huyện. Xét tặng UBND xã, phường, thị trấn;

c) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh: Xét tặng đối với các doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc như: phòng, xí nghiệp, phân xưởng;

d) Đối với ngành Y tế: Xét tặng đối với sở, các phòng thuộc sở, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; các khoa, phòng, trạm y tế thuộc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở;

e) Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo: Xét hệ thống các trường học, (không xét tổ, nhóm thuộc trường);

g) Đối với các đơn vị cấp 2 thuộc sở và tương đương: Xét đơn vị và các phòng thuộc đơn vị cấp 2.

Điều 7. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" để tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" để xét tặng hàng năm cho các đối tượng sau:

a) Đối với cấp tỉnh: Xét tặng đối với phòng, ban, trung tâm trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

b) Đối với cấp huyện: Xét tặng phòng, ban và tương đương cấp huyện. Xét tặng UBND xã, phường, thị trấn;

c) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh: Xét tặng các đơn vị trực thuộc công ty như: phòng, xí nghiệp, phân xưởng;

d) Đối với ngành Y tế: Xét tặng các phòng thuộc sở, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở; các khoa, phòng, trạm y tế thuộc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở;

đ) Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo: Xét hệ thống các trường học, (không xét tổ, nhóm thuộc trường);

e) Đối với các đơn vị cấp 2 thuộc sở và tương đương: Xét đơn vị và các phòng thuộc đơn vị đó.

Điều 8. Danh hiệu "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu"

1. Danh hiệu "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu" được xét công nhận hàng năm cho các xã, phường, thị trấn đạt các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 29 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu" thực hiện theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

a) Thang điểm tối đa làm căn cứ xét công nhận danh hiệu "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu" là 100 điểm;

b) Các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc huyện Đakrông: Đạt 80 điểm trở lên;

c) Các xã, phường, thị trấn còn lại: Đạt 90 điểm trở lên.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận danh hiệu "Xã, phường, thị trấn tiêu biểu".

Điều 9. Danh hiệu "Thôn, tổ dân phố văn hóa"

1. Danh hiệu "Thôn, tổ dân phố văn hóa" được xét công nhận hàng năm cho các thôn, tổ dân phố đạt các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 30 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Thôn, tổ dân phố văn hóa" thực hiện theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

a) Thang điểm tối đa làm căn cứ xét công nhận danh hiệu "Thôn, tổ dân phố văn hoá" là 100 điểm;

b) Các thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc huyện Đakrông: Đạt 80 điểm trở lên;

c) Các thôn, tổ dân phố thuộc các xã, phường, thị trấn còn lại: Đạt 90 điểm trở lên.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, thẩm tra thực tế, trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận danh hiệu "Thôn, tổ dân phố văn hóa".

Điều 10. Danh hiệu "Gia đình văn hóa"

1. Danh hiệu "Gia đình văn hóa" được xét tặng hàng năm cho các gia đình đạt các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 31 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa" thực hiện theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

a) Thang điểm tối đa làm căn cứ xét công nhận danh hiệu "Gia đình văn hoá" là 100 điểm;

b) Các gia đình thuộc thôn, xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc huyện Đakrông: Đạt 80 điểm trở lên;

c) Các gia đình thuộc thôn, tổ dân phố các xã, phường, thị trấn còn lại: Đạt 90 điểm trở lên.

3. Công chức Văn hóa - Xã hội cấp xã tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa".

4. Mẫu bằng chứng nhận "Gia đình văn hóa".

Mẫu bằng chứng nhận "Gia đình văn hóa" theo quy định tại Điều 105 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, cụ thể:

a) Hình thức:

- Kích thước được in trên khổ giấy A5, kích thước 210 mm x 148 mm.

- Họa tiết hoa văn trang trí xung quanh: Đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn không giống hoặc tương tự với các Bằng khen cấp Nhà nước. Chính giữa phía trên là Quốc huy Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hàng cờ đỏ hai bên.

- Hình nền Bằng để trắng.

b) Nội dung

- Dòng thứ nhất: Quốc hiệu "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" được trình bày bằng chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

- Dòng thứ hai: Tiêu ngữ "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" được trình bày bằng chữ in thường, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen và ở liền phía dưới Quốc hiệu, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ, phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

- Dòng thứ ba: "Chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng", chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 16, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

- Dòng thứ tư: "TẶNG DANH HIỆU" chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 18, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

- Dòng thứ năm: Tên danh hiệu thi đua, chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 32, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

- Các dòng tiếp theo: Tên của hộ gia đình, địa chỉ chữ in thường, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ căn chỉnh cho phù hợp, kiểu chữ in nghiêng, đậm, màu đen.

- Phía dưới bên trái: "Số quyết định, ngày, tháng, năm" ghi theo số, ngày tháng năm ban hành quyết định; "Số sổ vàng" đặt dưới dòng số quyết định ghi số thứ tự của đối tượng được khen thưởng trong quyết định; chữ của hai dòng in thường, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 12, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

- Phía dưới bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm; chữ in thường, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 12, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

- Ngay dưới dòng địa danh là dòng chữ ghi chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng, chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

- Khoảng trống để ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên người có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

c) Mẫu Bằng chứng nhận "Gia đình văn hóa" được minh họa tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

b) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Lập được nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương, có phạm vi ảnh hưởng lớn đối với tỉnh;

- Có thành tích mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt; các thành tích đột xuất, đặc biệt đột xuất theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP; đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia (do trung ương tổ chức), khu vực, quốc tế và đạt giải nhất cấp tỉnh.

c) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh;

- Có các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo có phạm vi ảnh hưởng lớn trong tỉnh;

- Có nhiều thành tích đóng góp vào hoạt động của tổ chức trong nhiệm kỳ hoặc đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành, của tỉnh nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống là các năm tròn (là năm có chữ số cuối cùng là "0") của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp; các Hội cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Các đơn vị, địa phương khi tổ chức Đại hội hoặc kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống phải được sự nhất trí bằng văn bản của Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh thì mới được đề nghị khen thưởng ở nội dung này.

d) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Lập được nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương, có phạm vi ảnh hưởng lớn đối với tỉnh.

- Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia (do Trung ương tổ chức), khu vực, quốc tế và đạt giải nhất cấp tỉnh; các thành tích đột xuất, đặc biệt đột xuất theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

c) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh;

- Có các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo có phạm vi ảnh hưởng lớn trong tỉnh;

- Có nhiều thành tích đóng góp vào hoạt động của tổ chức trong nhiệm kỳ hoặc đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành, của tỉnh nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống là các năm tròn (là năm có chữ số cuối cùng là "0") của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp; các Hội cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Các đơn vị, địa phương khi tổ chức Đại hội hoặc kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống phải được sự nhất trí bằng văn bản của Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh thì mới được đề nghị khen thưởng ở nội dung này.

d) Đạt tiêu chuẩn theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho hộ gia đình đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên được cơ quan, đơn vị, địa phương xác nhận và cấp có thẩm quyền xét, đề nghị khen thưởng;

b) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua chuyên đề do tỉnh phát động.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng, có thành tích xuất sắc trong công tác nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Doanh nghiệp đạt và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc tăng so với năm trước;

b) Doanh nghiệp không vi phạm quy định của pháp luật hiện hành;

c) Doanh nghiệp nộp thuế đạt và vượt mức dự toán được giao, có số nộp năm sau cao hơn năm trước;

d) Thực hiện kê khai, nộp thuế điện tử, không nợ đọng thuế, thực hiện tốt chế độ quản lý và sử dụng hóa đơn, chứng từ, chế độ kế toán và không vi phạm các quy định về thuế.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho các cơ quan nhà nước trung ương và các doanh nghiệp nhà nước Trung ương trên địa bàn tham gia Khối thi đua của tỉnh: hàng năm mỗi đơn vị chọn từ 2 đến 3 tập thể, 3 đến 5 cá nhân có thành tích thật sự tiêu biểu trong 02 năm liên tục đến thời điểm đề nghị để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khen thưởng.

6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng kèm theo tặng phẩm lưu niệm (tương đương với mức thưởng đã được xác định của cấp ra quyết định khen thưởng) cho tập thể, cá nhân trong tỉnh, ngoài tỉnh và nước ngoài có thành tích xuất sắc trong hoạt động nhân đạo, từ thiện, thực hiện chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh.

Điều 12. Giấy khen

1. Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của thủ trưởng các ban đảng; giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố;

c) Giấy khen của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn;

d) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Giấy khen theo quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện phong trào thi đua chuyên đề, đạt chất lượng, hiệu quả cao, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Lập nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Lập được thành tích đột xuất khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc ở một trong các lĩnh vực được cơ quan, đơn vị, địa phương ghi nhận;

d) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Giấy khen theo quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng để tặng cho tập thể chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích trong thực hiện phong trào thi đua chuyên đề, đạt chất lượng, hiệu quả, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Lập nhiều thành tích trong trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương, cơ quan, đơn vị, có phạm vi ảnh hưởng lớn đối với cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Lập được thành tích đột xuất khi cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc ở một trong các lĩnh vực được cơ quan, đơn vị, địa phương ghi nhận;

d) Có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương;

e) Có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ, các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo có phạm vi ảnh hưởng lớn đối với cơ quan, đơn vị, địa phương;

g) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

4. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho hộ gia đình đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với Nhà nước. Các thành viên trong gia đình có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, có phạm vi ảnh hưởng cấp huyện;

b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua do địa phương phát động;

c) Có thành tích đột xuất.

5. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho hộ gia đình đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Hộ gia đình tiêu biểu xuất sắc trong số các hộ gia đình được Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn công nhận "Gia đình văn hoá";

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với Nhà nước. Các thành viên trong gia đình có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, có phạm vi ảnh hưởng cấp xã;

c) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua do địa phương phát động;

d) Có thành tích đột xuất.

6. Giấy khen được tặng cho tập thể, cá nhân, gia đình ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho sự phát triển của địa phương, đơn vị.

Chương IV

THẨM QUYỀN XÉT DUYỆT, CHO Ý KIẾN HỒ SƠ KHEN THƯỞNG, TUYẾN TRÌNH KHEN THƯỞNG, THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 13. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận thành tích, đề nghị tặng thưởng các trường hợp khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ khen thưởng, thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét, quyết định khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

Đối với các trường hợp thuộc khoản 4 Điều 30 Nghị định 98/2023/NĐ-CP, sau khi thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu UBND tỉnh trình Ban Cán sự đảng UBND tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi Chủ tịch UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ.

Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh về lấy ý kiến để khen thưởng cho các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 31 Nghị định 98/2023/NĐ-CP. Tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh các trường hợp các ngành, địa phương, doanh nghiệp đề nghị cho ý kiến để trình các bộ, ngành, đoàn thể trung ương khen thưởng.

Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, thẩm định trình UBND tỉnh khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh và thông báo kết quả thẩm định hồ sơ khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trình khen thưởng.

4. Đối với các doanh nghiệp khi đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý ngành lĩnh vực có liên quan xác nhận về việc thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động, việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.

5. Đối với các cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài, khi đề nghị khen thưởng phải có ý kiến bằng văn bản của Sở Ngoại vụ.

6. Các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trước khi đề nghị bộ, ban, ngành trung ương biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị mình, phải báo cáo UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) danh sách đề nghị biểu dương, khen thưởng.

7. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ, khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền của các đơn vị, địa phương.

Điều 14. Quy định về tuyến trình khen

1. Tuyến trình khen thưởng được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Các tập thể, cá nhân của các bộ, ngành trung ương, các trường đại học, viện nghiên cứu, tập đoàn kinh tế, người nước ngoài... nếu có nhiều đóng góp cho tỉnh Quảng Trị và các địa phương trong tỉnh thì Thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các địa phương đó quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

3. Trường hợp khen thưởng đột xuất, gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, chống tham nhũng… trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

4. Ngành, địa phương nào được UBND tỉnh giao chủ trì phát động, tổ chức các đợt thi đua theo chuyên đề, thì ngành đó, địa phương đó chủ trì phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để hướng dẫn xét chọn khen thưởng.

Điều 15. Quy định thời gian trình hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Khen thưởng theo kế hoạch hàng năm, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, hồ sơ trình UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 30 tháng 3 hàng năm.

2. Đối với khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ, hồ sơ gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) đợt 1 trước ngày 30 tháng 3 hàng năm, đợt 2 trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Riêng danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ hồ sơ gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày 10 tháng 3 hàng năm.

3. Hệ thống giáo dục quốc dân hồ sơ đề nghị khen thưởng năm học trình một đợt, hồ sơ gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

Điều 16. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thành phần hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ: Số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản chính) để thực hiện thủ tục đề nghị và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp gửi bản giấy (bản chính) của hồ sơ khen thưởng đồng thời gửi các tệp tin điện tử (file word và file pdf) của hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, trừ văn bản có nội dung bí mật Nhà nước. Hồ sơ chỉ được tiếp nhận khi Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh nhận được bản giấy (bản chính) của hồ sơ và các tệp tin của hồ sơ theo đúng quy định, số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản chính).

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Điều khoản thi hành

Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và trong quy định này, các cấp, các ngành, các đơn vị có thể có các hình thức động viên khác phù hợp đối với cá nhân, tập thể để kịp thời nêu gương tốt trong lao động, học tập, công tác, chiến đấu và động viên phong trào thi đua nhưng không trái với quy định của pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo và kiểm tra, giám sát thực hiện Quy định này.

2. Giao Sở Nội vụ chủ trì hướng dẫn cụ thể các cơ quan, đơn vị, địa phương việc triển khai thực hiện Quy định này.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh bảo đảm kinh phí để tổ chức thực hiện Quy định này theo quy định hiện hành.

4. Đối với các trường hợp tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo tặng phẩm lưu niệm, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh lựa chọn tặng phẩm phù hợp.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm về thủ tục, hồ sơ trình khen thưởng, gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

6. Các nội dung khác về thi đua, khen thưởng không được quy định trong văn bản này thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

7. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

8. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung, sửa đổi kịp thời theo quy định của pháp luật./.

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN CHI TIẾT XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TIÊU BIỂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Tên tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Điểm	Điểm xã, phường, thị trấn tự đánh giá	Điểm UBND huyện thẩm định, đánh giá bình quân
Tổng điểm		**100đ**		
I. Thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giao (17,5 điểm)	**1. Đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác**	**7.5đ**		
	- Thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tỷ lệ tội phạm, vi phạm pháp luật, tai nạn giao thông không tăng so với năm trước; không có vụ việc về cháy, nổ, tai nạn giao thông từ nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng), không có đối tượng tham gia đua xe và không để xảy ra tình trạng đua xe trái phép trên địa bàn; - Xây dựng và thực hiện tốt nếp sống văn minh nơi công cộng, trong các sinh hoạt tập thể, cộng đồng; không có tệ nạn phát sinh, giảm mạnh các tệ nạn xã hội hiện có; - Không để xảy ra tình trạng lấn chiếm lòng đường, hè phố, cơi nới, làm mái che, mái vẩy gây cản trở giao thông, đặt biển quảng cáo sai quy định, gây mất mỹ quan đô thị; - Không để xảy ra hoạt động chống đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết; - Không để xảy ra các hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc gia; - Không để xảy ra hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện phức tạp về an ninh trật tự; - Không để xảy ra hoạt động kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo người khác tập trung đông người khiếu nại, gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại để tuyên truyền chống nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức,	7.5đ		

Tên tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Điểm	Điểm xã, phường, thị trấn tự đánh giá	Điểm UBND huyện thẩm định, đánh giá bình quân
	người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo; - Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự. Trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo; triển khai thực hiện tốt công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; Có mô hình Camera an ninh và mô hình phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy gắn phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.			
	Có xảy ra 01 vụ án, phạm tội hoặc gây tai nạn (Giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên trên địa bàn trong năm; Có các sự vụ, sự việc gây bất bình trong nhân dân, tạo ra dư luận xã hội; Chưa có mô hình Camera an ninh và các mô hình phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn "An toàn về an ninh trật tự"	0đ		
	2. Hợp tác và liên kết phát triển xã hội	**5đ**		
	Có mô hình kinh tế hợp tác và liên kết phát triển xã hội (Hợp tác xã, hội doanh nhân, doanh nghiệp…). Có nhiều hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút lao động việc làm, nâng cao thu nhập của người dân; - Có từ 85% trở lên hộ gia đình làm nông nghiệp trong xã được tuyên truyền, phổ biến khoa học - kỹ thuật về lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; - Có từ 80% trở lên hộ gia đình tham gia các hình thức hợp tác phát triển kinh tế; - Có từ 20% trở lên hộ gia đình phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập từ sản xuất nông nghiệp hàng hóa và dịch vụ nông thôn.	5đ		
	Không có hợp tác xã hoặc hợp tác xã hoạt động không có hiệu quả; không có loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm địa phương, phục vụ các thành viên hợp tác xã và người dân trên địa bàn	0đ		
	3. Thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng của địa phương	**5đ**		

Tên tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Điểm	Điểm xã, phường, thị trấn tự đánh giá	Điểm UBND huyện thẩm định, đánh giá bình quân
	- Thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng của địa phương; Đảm bảo số lượng công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định; Không có công dân không hoàn thành nghĩa vụ quân sự - Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết của Đảng, Quân ủy Trung ương, chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu về thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn; - Đẩy mạnh nâng cao chất lượng xây dựng các mô hình về quốc phòng địa phương, dân quân tự vệ; - Nâng cao chất lượng tổng hợp, trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, thực hiện huấn luyện "3 thực chất", "3 sẵn sàng", "4 tại chỗ" kết hợp tập trung xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện "mẫu mực tiêu biểu"… - Tích cực triển khai các hoạt động dân vận, chính sách như: Khám bệnh, cấp thuốc miễn phí, tặng quà cho người nghèo, học sinh nghèo vượt khó; hoàn thành xây dựng các công trình sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao, nhà "Tình nghĩa Quân - Dân", nhà đồng đội.	5đ		
	Không đảm bảo số lượng công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định; Có công dân không hoàn thành nghĩa vụ quân sự	0đ		
II. Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển (20 điểm)	**1. Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn năm trước**	**5đ**		
	- Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động từ 90% trở lên (đối với phường), 80% trở lên (đối với thị trấn), 70% trở lên (đối với xã); - Thu nhập bình quân đầu người bằng hoặc cao hơn năm trước và bằng hoặc cao hơn bình quân chung của toàn tỉnh	5đ		
	Thu nhập bình quân đầu người thấp hơn bình quân chung của của tỉnh	3đ		
	2. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp hơn so với mức trung bình của địa phương	**5đ**		

Tên tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Điểm	Điểm xã, phường, thị trấn tự đánh giá	Điểm UBND huyện thẩm định, đánh giá bình quân
	Tổ chức phát động và thực hiện tốt cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" và các cuộc vận động khác, góp phần đưa tỷ lệ hộ nghèo đa chiều thấp hơn so với mức bình quân của địa phương	5đ		
	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cao hơn mức trung bình của địa phương	3đ		
	3. Hệ thống đường điện đảm bảo an toàn trên địa bàn	**5đ**		
	Có từ 99% hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh trở lên trên địa bàn được đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	5đ		
	Dưới 99% hộ gia đình đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	3đ		
	Để xảy ra cháy nổ, mất an toàn về điện trên địa bàn, gây thiệt hại về người và tài sản nghiêm trọng	0đ		
	4. Tổ chức, quản lý, sử dụng đúng mục đích và hoạt động có hiệu quả các công trình công cộng, trường học, trạm y tế	**5đ**		
	- 100% các công trình công cộng, trường học, trạm y tế trên địa bàn được đưa vào sử dụng đúng mục đích, công năng, hoạt động đạt hiệu quả tốt; - Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế; đạt 90% người dân tham gia bảo hiểm y tế; - Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ≤15%; - Có từ 90% trở lên trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có ít nhất 60% trở lên số trường học trên địa bàn được công nhận đạt chuẩn quốc gia; - Đạt 100% phổ cập đối với giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; - 70% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ	5đ		

Tên tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Điểm	Điểm xã, phường, thị trấn tự đánh giá	Điểm UBND huyện thẩm định, đánh giá bình quân
	túc trung cấp). Tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học đạt 80% trở lên đối với phường, 70% trở lên đối với thị trấn, 60% trở lên đối với xã; - Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt >50% đối với phường, thị trấn; >40% đối với xã.			
	Có xảy ra tranh chấp, khiếu kiện cơ sở vật chất, đất đai, bị phản ánh về lãng phí cơ sở vật chất hạ tầng; Có vi phạm về tổ chức, quản lý và hoạt động các công trình công cộng, trường học, trạm y tế; không đạt các quy định về chỉ tiêu y tế, giáo dục theo quy định	0đ		
III. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú (22,5 điểm)	**1. Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa trong năm**	**7.5đ**		
	Đạt 85% thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa trong năm, ít nhất 60% thôn, tổ dân phố đạt 5 năm liên tục trở lên.	7.5đ		
	Dưới 85% thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa trong năm	3đ		
	2. Thiết chế văn hóa, thể thao có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm; được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả	**5đ**		
	- Có Trung tâm văn hoá- thể thao xã độc lập có lắp đặt thiết bị thể dục thể thao ngoài trời; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị sinh hoạt, đạt chuẩn; được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hoạt động thường xuyên, hiệu quả. - Có điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người già - 100% thôn, tổ dân phố trên địa bàn có Nhà văn hoá- Khu thể thao đạt chuẩn, có thành lập CLB văn hoá, văn nghệ, thể thao và thường xuyên hoạt động có hiệu quả.	5đ		
	Chưa có Trung tâm văn hoá- thể thao xã độc lập, chưa có một trong những công trình: Lắp đặt thiết bị thể thao ngoài trời; điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người già; Chưa đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị sinh hoạt, đạt chuẩn; Có Nhà văn hoá- Khu thể thao cấp thôn chưa đạt chuẩn hoặc có thôn chưa có Nhà văn hoá- Khu thể thao	2đ		